**Luật Thi đua, khen thưởng năm 2022**

Ngày 15 tháng 6 năm 2022, tại kỳ họp thứ 3, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XV đã thông qua [*Luật Thi đua, khen thưởng*](https://trangtinphapluat.com/blog/bai-viet-hay/tin-tuc-quang-nam/quy-che-cong-tac-thi-dua-khen-thuong-nam-2018-cua-quang-nam/) sửa đổi năm 2022. Luật có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2024.

**PHẦN 1. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG SỬA ĐỔI NĂM 2022**

Luật Thi đua, khen thưởng được Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XI (kỳ họp thứ 4) thông qua ngày 26/11/2003, có hiệu lực từ ngày 01/7/2004. Luật Thi đua, khen thưởng**(**sau đây gọi tắt là Luật) đã được sửa đổi, bổ sung năm 2005 và năm 2013. Sau 13 năm thực hiện, Luật đã và đang đi vào cuộc sống, được các cấp, các ngành thực hiện có hiệu quả, được nhân dân đồng tình, ủng hộ. Bên cạnh những tích cực, Luật còn bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được nghiên cứu sửa đổi cho phù hợp với tình hình thực tiễn.

*Thứ nhất,* về công tác thi đua

 Việc tổ chức triển khai phong trào thi đua ở một số nơi còn hình thức, chưa tạo được động lực thi đua từ cơ sở, từ quần chúng Nhân dân, hiệu quả, tác dụng phong trào thi đua chưa cao; một số nơi phong trào thi đua chưa gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị, việc sơ kết, tổng kết phong trào thi đua chưa kịp thời. Nội dung, tiêu chí xét tặng danh hiệu thi đua và việc công nhận danh hiệu thi đua chưa thống nhất; chưa quy định rõ trách nhiệm của Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong chỉ đạo, triển khai tổ chức phong trào thi đua theo tinh thần chỉ đạo của Bộ Chính trị.

 *Thứ hai,* về công tác khen thưởng

 Luật có đối tượng điều chỉnh rộng, liên quan đến toàn bộ hệ thống chính trị nhưng điều kiện, tiêu chuẩn khen thưởng chưa bao quát hết các đối tượng và người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác, chiến đấu nên tác dụng khen thưởng chưa cao. Năm 2013, khi sửa đổi, bổ sung Luật đã có quy định điều kiện, tiêu chuẩn để khen thưởng cho công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp nhưng trong quá trình tổ chức thực hiện vẫn còn nhiều khó khăn, vướng mắc. Một số quy định về tiêu chuẩn khen thưởng chưa cụ thể, khó áp dụng với một số đối tượng thuộc các lĩnh vực khu vực ngoài nhà nước, phải điều chỉnh bằng các văn bản dưới Luật như Nghị định, Thông tư.

 Công tác phát hiện và khen thưởng đối với các tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất chưa kịp thời. Luật hiện hành quy định các hình thức khen thưởng cấp nhà nước và các hình thức khác thuộc thẩm quyền của các cấp, các ngành. Tuy nhiên, trên thực tế việc quy định thẩm quyền khen thưởng, phân cấp, phân quyền trong khen thưởng chưa đầy đủ, chưa bao quát được hết các khu vực, đối tượng; tỷ lệ khen thưởng cấp nhà nước chưa cân đối trong từng lĩnh vực, đối tượng, tập trung chủ yếu vào khen niên hạn, khen công chức, viên chức, lực lượng vũ trang. Một số chủ trương, quy định của Đảng về công tác khen thưởng chưa được thể chế hóa kịp thời.

 *Thứ ba,* về thủ tục, hồ sơ khen thưởng

 Một số quy định về thủ tục, thành phần, số lượng hồ sơ chưa đáp ứng được yêu cầu cải cách hành chính; quy định thủ tục, hồ sơ khen thưởng đối với cá nhân, tập thể có thành tích đột xuất được cấp trên phát hiện, khen thưởng và một số loại hình khen thưởng chưa phù hợp.

 Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng chưa được quy định cụ thể, đồng bộ để đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và chuyển đổi số quốc gia.

 Với các căn cứ nêu trên, việc xây dựng, trình Quốc hội dự án Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi) là cần thiết, nhằm thể chế hóa đường lối, chủ trương của Đảng, các nội dung chỉ đạo của Bộ Chính trị, Ban Bí thư; khắc phục những tồn tại, hạn chế của Luật hiện hành và quá trình tổ chức thực hiện Luật, bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ của hệ thống pháp luật, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới.

**PHẦN 2. NHỮNG NỘI CƠ BẢN VÀ ĐIỂM MỚI CỦA LUẬT THI ĐUA, KHEN THƯỞNG SỬA ĐỔI NĂM 2022**

**1. Những nội dung cơ bản của Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi)**

Luật gồm 8 Chương, 96 Điều(giảm 7 điều so với Luật hiện hành) được thể hiện ở 8 nhóm với những điểm mới chủ yếu sau: (1) Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh hơn trong công tác thi đua, khen thưởng; (2) Thể hiện rõ nguyên tắc thành tích đến đâu, khen thưởng đến đó và đề cao tính kịp thời của hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được; (3) Đưa phong trào thi đua thực sự thiết thực, hướng về cơ sở, gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, gắn với lợi ích của người trực tiếp tham gia thi đua, hạn chế tính hình thức trong thi đua, bảo đảm thực hiện đồng bộ ở 4 khâu (phát hiện, bồi dưỡng, tổng kết và nhân điển hình tiên tiến); (4) Chú trọng khen thưởng tập thể nhỏ, công nhân, nông dân, người lao động trực tiếp, cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang, dân quân, tự vệ…; quan tâm đến công tác khen thưởng ở cấp cơ sở, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới, hải đảo; (5) Giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong khen thưởng ở khu vực ngoài nhà nước và kinh tế tư nhân; (6) Mở rộng đối tượng khen thưởng người nước ngoài có nhiều đóng góp cho đất nước Việt Nam trong điều kiện chủ động hội nhập; (7) Bổ sung hình thức khen thưởng kháng chiến “Huy chương Thanh niên xung phong vẻ vang”; (8) Thực hiện cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác thi đua, khen thưởng.

***1.1 Về bố cục*** ***Luật gồm 8 Chương, 96 Điều****,* ***cụ thể như sau:***

Chương I. Những quy định chung (gồm 15 điều, từ Điều 1 đến Điều 15)

Chương II. Tổ chức thi đua, danh hiệu và tiêu chuẩn danh hiệu thi đua (gồm 17 điều, từ Điều 16 đến Điều 32).

Chương III. Đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng (gồm 44 điều, từ Điều 33 đến Điều 76).

Chương IV. Thẩm quyền quyết định, trao tặng; thủ tục, hồ sơ xét đề nghị xét tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng (gồm 09 điều, từ Điều 77 đến Điều 85).

Chương V. Quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong thi đua, khen thưởng (gồm 02 điều, Điều 86 và Điều 87).

Chương VI. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về thi đua, khen thưởng (gồm 05 điều, từ Điều 88 đến Điều 92).

Chương VII. Xử lý vi phạm (gồm 01 điều, gồm Điều 93).

Chương VIII. Điều khoản thi hành (gồm 03 điều, từ Điều 94 đến Điều 96).

***1.2. Những nội dung cơ bản:***

Luật quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền, trình tự và thủ tục thi đua, khen thưởng. Luật áp dụng đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình người Việt Nam; cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài; cá nhân, tập thể người nước ngoài.

Luật quy định mục tiêu của thi đua là nhằm động viên, thu hút, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể, hộ gia đình phát huy truyền thống yêu nước, đoàn kết, đổi mới, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ, đạt được thành tích tốt nhất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; mục tiêu của khen thưởng là nhằm khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể, [hộ gia đình](http://decuongtuyentruyen.com/tu-lieu/quy-dinh-cua-phap-luat-ve-phong-chong-bao-luc-gia-dinh-tren-co-so-gioi/) hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Để đảm bảo tính công bằng, minh bạch trong công tác thi đua, khen thưởng, Luật quy định việc thi đua được thực hiện trên các nguyên tắc: tự nguyện, tự giác, công khai, minh bạch; đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Bên cạnh đó, việc khen thưởng được thực hiện trên các nguyên tắc sau đây: chính xác, công khai, minh bạch, công bằng, kịp thời; bảo đảm thống nhất giữa hình thức, đối tượng khen thưởng và công trạng, thành tích đạt được.

Luật nêu rõ, một hình thức khen thưởng có thể tặng nhiều lần cho một đối tượng; không khen thưởng nhiều lần, nhiều hình thức cho một thành tích đạt được; thành tích đến đâu khen thưởng đến đó; chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; bảo đảm bình đẳng giới trong thi đua, khen thưởng.

Các loại hình khen thưởng theo Luật quy định gồm có: khen thưởng công trạng là khen thưởng cho cá nhân, tập thể thường xuyên có thành tích xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; khen thưởng đột xuất là khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình lập được thành tích xuất sắc đột xuất; khen thưởng phong trào thi đua là khen thưởng cho cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích xuất sắc trong các phong trào thi đua do cấp có thẩm quyền phát động, chỉ đạo trong thời gian cụ thể hoặc thi đua theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước; khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia hoạt động lâu dài trong các giai đoạn cách mạng hoặc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý trong cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được Đảng, Nhà nước giao nhiệm vụ, có công lao, thành tích đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc; khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có quá trình công tác trong lực lượng vũ trang nhân dân…

Ngoài các hình thức khen thưởng được quy định tại Luật Thi đua, khen thưởng (sửa đổi), Luật cho phép các cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền có thể thực hiện các hình thức động viên đối với cá nhân, tập thể có thành tích để kịp thời nêu gương trong lao động, sản xuất, công tác và động viên phong trào thi đua, phù hợp với các nguyên tắc do Luật này quy định.

Để đảm bảo tính khả thi, Luật đã quy định cụ thể trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng. Theo đó, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo và chịu trách nhiệm về kết quả công tác thi đua, khen thưởng; phát hiện cá nhân, tập thể, hộ gia đình có thành tích để khen thưởng theo thẩm quyền hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng; nhân rộng điển hình tiên tiến; đánh giá thành tích; chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng và việc trình cấp trên khen thưởng; cơ quan, tổ chức, đơn vị có trách nhiệm áp dụng công nghệ thông tin, hiện đại hóa về quản lý công tác thi đua, khen thưởng; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, thực hiện tuyên truyền, vận động, động viên các đoàn viên, hội viên và Nhân dân thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; tổ chức hoặc phối hợp với cơ quan, tổ chức, đơn vị tổ chức các phong trào thi đua; giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng và phản biện xã hội đối với dự thảo chính sách, pháp luật về thi đua, khen thưởng…

Luật giao Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương có trách nhiệm thực hiện sự phối hợp giữa các cơ quan Đảng, Nhà nước, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội và các địa phương trong việc tham mưu, đề xuất chủ trương, chính sách về tổ chức phong trào thi đua và công tác thi đua, khen thưởng trong phạm vi cả nước; tham mưu, tư vấn cho cấp có thẩm quyền quyết định tặng danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng; định kỳ đánh giá phong trào thi đua và công tác khen thưởng; kiến nghị, đề xuất chủ trương, biện pháp đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước; tham mưu tổng kết công tác thi đua, khen thưởng; đề xuất sửa đổi, bổ sung chế độ, chính sách về thi đua, khen thưởng; kiểm tra, giám sát công tác thi đua, khen thưởng.

**2. Nội dung sửa đổi, bổ sung**:

Luật đã tập trung sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống danh hiệu thi đua; hoàn thiện hệ thống hình thức khen thưởng; hoàn thiện chế định về thẩm quyền và trách nhiệm quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng; cải cách thủ tục hành chính trong thi đua, khen thưởng, cụ thể như sau:

**2.1. Nội dung sửa đổi, bổ sung về thi đua**

Luật sửa đổi, bổ sung nhằm thể chế hoá chủ trương của Đảng tại Chỉ thị số 34-CT/TW “Về tiếp tục đổi mới công tác thi đua, khen thưởng”. Trong đó đã quy định rõ trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong tổ chức triển khai phong trào thi đua, để việc phát động, triển khai các phong trào thi đua trong thời gian tới phải thực sự thiết thực, hướng về cơ sở, gắn kết với thực hiện nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị, gắn với lợi ích của người trực tiếp tham gia thi đua, hạn chế tính hình thức trong thi đua. Sửa đổi, bổ sung một số tiêu chí, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua đã thực hiện ổn định thời gian qua để phù hợp hơn với thực tiễn. Bổ sung danh hiệu “Cờ thi đua của Chính phủ” cho tập thể khi tham gia các phong trào thi đua theo chuyên đề do Thủ tướng Chính phủ phát động từ 5 năm trở lên và danh hiệu Cờ thi đua cấp bộ, cấp tỉnh cho tập thể khi tham gia phong trào thi đua theo chuyên đề do bộ, ngành, địa phương phát động từ 3 năm trở lên để phát huy tác dụng khích lệ, động viên phong trào. Cùng với đó, xuất phát từ thực tiễn triển khai các phong trào thi đua thời gian qua, Luật đã bổ sung danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu”, là những danh hiệu tổng hợp kết quả phong trào thi đua ở cấp xã. Đây là những điểm mới của dự án Luật. Cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung về danh hiệu thi đua

Bổ sung danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (Điều 29). Thực tế hiện nay, triển khai thực hiện phong trào “Cả nước chung sức xây dựng nông thôn mới”, cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hoá ở khu dân cư” cấp xã được công nhận danh hiệu: “Xã đạt chuẩn nông thôn mới; phường, thị trấn đạt tiêu chuẩn đô thị văn minh”. Với tốc độ thực hiện xây dựng nông thôn mới hiện nay, tương lai gần sẽ phủ kín các danh hiệu trên. Vì vậy, việc xét tặng danh hiệu “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” sẽ nâng các tiêu chuẩn của các danh hiệu thi đua hiện hành lên mức cao hơn, góp phần nâng cao chất lượng xét tặng các danh hiệu thi đua.

b) Sửa đổi, bổ sung về trách nhiệm phát động thi đua; nội dung thi đua; tiêu chuẩn danh hiệu thi đua.

- Bổ sung trách nhiệm của “Người đứng đầu” cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động, chỉ đạo phong trào thi đua (Điều 13 và Điều 18); bổ sung quy định một trong các nội dung thi đua là: Tuyên truyền, phát hiện, bồi dưỡng và nhân rộng điển hình tiên tiến (khoản 4 Điều 17) để thể chế hóa chủ trương của Đảng về nâng cao trách nhiệm của “Người đứng đầu” các cấp ủy, tổ chức đảng trong lãnh đạo, chỉ đạo tổ chức phong trào thi đua.

- Về danh hiệu Chiến sĩ thi đua (cấp toàn quốc; cấp bộ, ban, ngành, tỉnh; cấp cơ sở): Luật đã quy định cụ thể tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua; bổ sung tiêu chuẩn “có đề án khoa học”,“công trình khoa học và công nghệ” vì trên thực tế có nhiều cá nhân có đề án nghiên cứu khoa học, công trình khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu và được áp dụng có hiệu quả; bỏ từ “nhất” trong cụm từ “tiêu biểu xuất sắc nhất”, vì việc so sánh, đánh giá mức độ “nhất” giữa các cá nhân trong bộ, ban, ngành, địa phương chưa có tiêu chí để thực hiện, nhất là đối với các bộ quản lý đa ngành, đa lĩnh vực hoặc các cá nhân trong cùng một địa phương gồm nhiều đối tượng khác nhau (Điều 21, Điều 22 và Điều 23).

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn xét tặng “Cờ thi đua của Chính phủ”, Cờ thi đua bộ, ban, ngành, tỉnh đối với tập thể để phù hợp với thực tiễn (Điều 25 và Điều 26); đồng thời bổ sung tiêu chuẩn xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ đối với tập thể dẫn đầu cụm, khối thi đua do Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương tổ chức; tập thể dẫn đầu phong trào thi đua do Thủ tướng Chính phủ phát động khi sơ kết, tổng kết 05 năm trở lên.

- Bổ sung tiêu chuẩn tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh cho tập thể dẫn đầu phong trào thi đua chuyên đề có thời gian 03 năm trở lên do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi tổng kết phong trào thi đua theo chuyên đề (Điều 26) để phù hợp với thực tiễn phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động trong thời gian qua.

- Bỏ quy định tiêu chuẩn: “Có nhân tố mới, mô hình mới để các tập thể khác thuộc bộ, ngành, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, đoàn thể trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương học tập” khi xét tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (tại Điều 26 của Luật hiện hành), để phù hợp với thực tiễn thực hiện trong thời gian qua.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn xét danh hiệu thi đua “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng”, bỏ tiêu chuẩn “không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên” tại điểm d khoản 1 Điều 27 để phù hợp với quy định tại điểm c khoản 1 Điều 24 “có 100% cá nhân trong tập thể hoàn thành nhiệm vụ được giao”.

**2.2. Nội dung sửa đổi, bổ sung về khen thưởng**

Luật sửa đổi, bổ sung với nhiều nội dung mới để bảo đảm bao quát hết các đối tượng khen thưởng, phù hợp với vai trò, trách nhiệm, thẩm quyền công tác khen thưởng trong hệ thống chính trị; đảm bảo cân đối khen thưởng khu vực cơ quan nhà nước và khu vực ngoài nhà nước. Luật đã thiết kế lại, tạo sự thống nhất, xuyên suốt từ nguyên tắc, loại hình khen thưởng đến các quy định cụ thể tiêu chuẩn khen thưởng; đề cao tính kịp thời của hình thức khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được để khắc phục tình trạng khen thưởng “cộng dồn thành tích” trước đây. Bổ sung nguyên tắc “Quan tâm khen thưởng người trực tiếp lao động, sản xuất, học tập, công tác và khen thưởng tại địa bàn vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng biên giới, hải đảo; mở rộng đối tượng khen thưởng người nước ngoài có nhiều đóng góp cho đất nước Việt Nam trong điều kiện chủ động hội nhập; quy định rõ hơn đối tượng khen thưởng “doanh nhân, trí thức, nhà khoa học”, “doanh nghiệp” trong các loại hình khen thưởng để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong khen thưởng ở khu vực ngoài nhà nước và kinh tế tư nhân. Quy định trách nhiệm người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền, đơn vị, cơ sở trong phát hiện nhân tố, điển hình tiêu biểu để khen thưởng kịp thời theo thẩm quyền và trình cấp trên khen thưởng. Bổ sung hình thức khen thưởng Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Những nội dung sửa đổi, bổ sung về khen thưởng chiếm tỷ trọng lớn trong nội dung sửa đổi, bổ sung Luật, cụ thể như sau:

a) Bổ sung về khái niệm về mục tiêu khen thưởng; nguyên tắc khen thưởng; loại hình khen thưởng (03 điều)

- Bổ sung làm rõ mục tiêu của khen thưởng “là nhằm khuyến khích, động viên cá nhân, tập thể, hộ gia đình hăng hái thi đua; ghi nhận công lao, thành tích của cá nhân, tập thể, hộ gia đình trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc” (khoản 2 Điều 4).

- Bổ sung nguyên tắc “Thành tích đến đâu khen thưởng đến đó” (điểm c khoản 2 Điều 5) để khắc phục tình trạng khen thưởng “cộng dồn thành tích”.

 - Bổ sung nguyên tắc khen thưởng: “Chú trọng khen thưởng cá nhân, tập thể, hộ gia đình trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh; cá nhân, tập thể công tác ở địa bàn biên giới, trên biển, hải đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn” (điểm d khoản 2 Điều 5), để thể chế hóa chủ trương của Đảng về khen thưởng tại địa bàn miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

- Bổ sung khái niệm và sắp xếp lại thứ tự các loại hình khen thưởng gồm: Khen thưởng theo công trạng; khen thưởng đột xuất; khen thưởng phong trào thi đua; khen thưởng quá trình cống hiến; khen thưởng niên hạn; khen thưởng đối ngoại (Điều 8) để phù hợp với nguyên tắc khen thưởng.

b) Sửa đổi, bổ sung về hình thức khen thưởng (02 điều)

- Bổ sung hình thức Kỷ niệm chương của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để tặng cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội (khoản 1 Điều 71).

- Quy định rõ bộ, ban, ngành, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp có tổ chức đảng đoàn hoặc có tổ chức đảng thuộc Đảng bộ khối các cơ quan trung ương được tặng một hình thức là Kỷ niệm chương, thay cho quy định được tặng một trong hai hình thức là Kỷ niệm chương hoặc Huy hiệu như Luật hiện hành để phù hợp với thực tiễn và thống nhất hình thức khen thưởng (Điều 71).

c) Sửa đổi, bổ sung về đối tượng khen thưởng (14 điều)

- Bổ sung đối tượng khen thưởng là cá nhân người nước ngoài đối với Huân chương Hồ Chí Minh (Điều 35); cá nhân, tập thể người Việt Nam định cư ở nước ngoài, cá nhân, tập thể người nước ngoài đối với Huân chương Độc lập các hạng (Điều 36, 37 và Điều 38), Huân chương Lao động các hạng (Điều 42, Điều 43 và Điều 44); quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng Huy chương Hữu nghị (Điều 58).

- Quy định cụ thể đối tượng xét tặng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh cho bộ, ban, ngành, tỉnh, quân khu, quân đoàn, quân chủng, binh chủng, tổng cục và tương đương (Điều 34 và Điều 35). Các đối tượng xét tặng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh đã được quy định tại Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31/7/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng và được thực hiện ổn định trong thời gian qua, vì vậy, việc quy định nội dung này trong Luật để nâng cao tính pháp lý trong triển quá trình khai thực hiện.

- Quy định cụ thể đối tượng xét tặng Huân chương Sao vàng, Huân chương Hồ Chí Minh đối với “hệ lực lượng” thuộc Bộ Công an (Điều 34 và Điều 35), do hiện nay Bộ Công an không còn cấp tổng cục mà chỉ có “hệ lực lượng” tương đương cấp tổng cục trước đây.

- Quy định cụ thể đối tượng xét tặng Huân chương Độc lập hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba cho đối tượng là bộ, ban, ngành, tỉnh, các tập thể thuộc và trực thuộc bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 36, 37 và Điều 38), để thực hiện nguyên tắc khen thưởng là “Bảo đảm thống nhất giữa thành tích, hình thức và đối tượng khen thưởng”.

- Quy định cụ thể đối tượng khen thưởng Huân chương Lao động các hạng (Điều 42, 43 và Điều 44), “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” (Điều 73), Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 74) cho đối tượng là doanh nhân, doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học.

- Bổ sung đối tượng xét danh hiệu “Thầy thuốc ưu tú”, “Thầy thuốc nhân dân” cho đối tượng là “hộ sinh” do “hộ sinh” là một chức danh chuyên môn y tế, là người trực tiếp làm công tác theo dõi thai kỳ, đỡ đẻ, sơ cứu, cấp cứu sản khoa, chăm sóc bà mẹ và trẻ sơ sinh (khoản 1 Điều 64).

- Bỏ đối tượng là “công chức, viên chức” trong công an nhân dân được tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang”, “Huy chương Vì an ninh Tổ quốc” tại các Điều 54, Điều 56 và Điều 57, vì hiện nay lực lượng công an nhân dân không còn đối tượng này.

d) Sửa đổi, bổ sung về tiêu chuẩn khen thưởng (34 điều)

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng cho công nhân, nông dân có sáng kiến hoặc mô hình sản xuất mang lại giá trị cao và được áp dụng có hiệu quả thay thế tiêu chuẩn “có phát minh, sáng chế” đối với các hình thức khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất (khoản 2 Điều 42), Huân chương Lao động hạng Nhì (khoản 2 Điều 43), Huân chương Lao động hạng Ba (khoản 2 Điều 44); “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” (khoản 2 Điều 73), để thực hiện chủ trương của Đảng về chú trọng khen thưởng công nhân, nông dân, người trực tiếp lao động, sản xuất, công tác.

- Bổ sung quy định tiêu chuẩn tặng thưởng Huân chương Độc lập các hạng cho các tập thể là bộ, ban, ngành, tỉnh nhân dịp kỷ niệm năm tròn (Điều 36, Điều 37 và Điều 38), Huân chương Quân công các hạng cho Bộ Quốc phòng, Bộ Công an nhân dịp kỷ niệm năm tròn (Điều 39, Điều 40 và Điều 41) để phù hợp quá trình triển khai thực hiện trong thời gian qua. Trên thực tế, theo tiêu chuẩn quy định hiện hành để được tặng thưởng Huân chương Độc lập phải đảm bảo tiêu chuẩn đã được tặng Bằng khen, Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh nhưng do hàng năm bộ, ban, ngành, tỉnh không tự tặng Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh, Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh nên việc đề nghị khen thưởng theo tiêu chuẩn chung không thực hiện được.

 - Bổ sung quy định tặng Huân chương Hồ Chí Minh các lần tiếp theo sau khi được tặng Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ nhất (Điều 35), để phù hợp với thực tiễn do Luật hiện hành chỉ quy định tặng Huân chương Hồ Chí Minh lần thứ hai mà không quy định tặng Huân chương Hồ Chí Minh các lần tiếp theo.

- Sửa đổi, bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được đối với cá nhân từ “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” thành “hoàn thành tốt nhiệm vụ” đối với các hình thức Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba (Điều 42, Điều 43 và Điều 44), Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba (Điều 45, Điều 46 và Điều 47), “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” (Điều 73), Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 74) để phù hợp với quy định của Đảng, Nhà nước về đánh giá, xếp loại đảng viên và cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

 - Bổ sung quy định lấy danh hiệu thi đua làm tiêu chuẩn xét khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được, đối với cá nhân lấy danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, Chiến sĩ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh thay cho sáng kiến; đối với tập thể lấy danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” hoặc “Đơn vị quyết thắng” thay cho tiêu chuẩn “hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” khi đề nghị hình thức khen thưởng Huân chương Độc lập hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 36, 37 và Điều 38), Huân chương Quân công hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 39, 40 và Điều 41), Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 42, Điều 43 và Điều 44), Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 45, 46 và Điều 47), “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” (Điều 73), Bằng khen cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 74).

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, hạng Nhì, hạng Ba (Điều 42, Điều 43 và Điều 44), “Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” (Điều 73), Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 74) cho cá nhân, tập thể có đóng góp lớn vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước; bảo đảm an sinh xã hội, từ thiện nhân đạo, ứng dụng tiến bộ khoa học, kỹ thuật để bao quát hết thành tích, đối tượng khen thưởng.

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng Huân chương Lao động hạng Nhất, Nhì, Ba (Điều 42, 43 và Điều 44),“Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ” (Điều 73), Bằng khen của bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 74) cho đối tượng là doanh nhân, doanh nghiệp, trí thức, nhà khoa học để bao quát hết đối tượng khen thưởng.

- Bổ sung tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Lao động hạng Ba” cho cá nhân có thành tích xuất sắc, tiêu biểu được bình xét trong phong trào thi đua do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động từ 05 năm trở lên (điểm a khoản 1 Điều 44) để cân đối về thành tích khen thưởng.

 - Bổ sung tiêu chuẩn tặng thưởng “Huân chương Lao động hạng Ba” cho tập thể có thành tích xuất sắc được bình xét trong phong trào thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ phát động; hoặc do bộ, ban, ngành, tỉnh phát động khi tổng kết 05 năm trở lên hoặc theo chuyên đề phục vụ nhiệm vụ chính trị của Đảng, Nhà nước (điểm c khoản 4 Điều 44).

- Bổ sung tiêu chuẩn khen thưởng “Huân chương Lao động hạng Nhì, hạng Ba” (Điều 43 và Điều 44), “Huân chương Bảo vệ Tổ quốc hạng Nhì, hạng Ba” (Điều 46 và Điều 47), “Huân chương Chiến công hạng Nhất, Nhì, Ba” (Điều 48, 49 và Điều 50) đối với tập thể lập được thành tích "đột xuất”, để bảo đảm khen thưởng kịp thời đối với tập thể có thành tích “đột xuất”.

- Bổ sung quy định tiêu chuẩn xét tặng hoặc truy tặng “Huy chương Chiến sĩ vẻ vang” đối với đối tượng là sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, chiến sĩ, công chức, viên chức, công nhân quốc phòng làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân; sĩ quan, hạ sĩ quan, chiến sĩ, công nhân làm việc trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân có thời gian làm nhiệm vụ ở vùng biển, đảo, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn hoặc làm nhiệm vụ quốc tế (Điều 57), để thể chế chủ trương của Đảng là chú trọng khen thưởng cho đối với các cán bộ, chiến sĩ các lực lượng vũ trang nhân dân.

- Bổ sung tiêu chuẩn phong tặng và truy tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân nhân dân” (khoản 3 Điều 62), danh hiệu “Anh hùng Lao động” (khoản 3 Điều 63) đối với cá nhân, tập thể có thành tích đặc biệt xuất sắc đột xuất trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa, để phù hợp với thực tiễn hiện nay.

 - Bỏ quy định về thời gian 5 năm xét tặng danh hiệu “Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” (khoản 3 Điều 62), danh hiệu “Anh hùng Lao động” (khoản 3 Điều 63), để đảm bảo nguyên tắc khen thưởng kịp thời động viên tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

đ) Các nội dung sửa đổi, bổ sung khác (07 điều)

 - Bổ sung quy định nguyên tắc xét tôn vinh và trao tặng giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp (Điều 81) để Luật hóa một số quy định tại Quyết định số 51/2010/QĐ - TTg ngày ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tổ chức xét tôn vinh danh hiệu và trao giải thưởng cho doanh nhân và doanh nghiệp và giao Chính phủ quy định chi tiết việc xét tôn vinh và trao tặng giải thưởng cho doanh nhân, doanh nghiệp.

- Bổ sung quy định thành phần của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương “là đại diện lãnh đạo một số cơ quan của Đảng ở trung ương, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ” (khoản 2 Điều 90), để đảm bảo thành phần Hội đồng Thi đua - Khen thưởng Trung ương.

- Bổ sung quy định cụ thể nghĩa vụ của cá nhân, tập thể trong thi đua, khen thưởng (Điều 87), trong đó quy định ngoài việc “Nghiêm chỉnh chấp hành các quy định của pháp luật”, của cơ quan, tổ chức, đơn vị trong công tác thi đua, khen thưởng cá nhân, tập thể có nghĩa vụ “Phát huy thành tích đã đạt được, tuyên truyền phổ biến kinh nghiệm; bảo quản, lưu giữ các hiện vật khen thưởng, không được tặng cho dưới mọi hình thức”.

- Bổ sung quy định thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng; bổ sung quy định thẩm quyền quyết định tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước (khoản 7,8,9 Điều 93), do Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành chưa quy định các thẩm quyền này.

- Bổ sung quy định tước danh hiệu vinh dự nhà nước “Bà mẹ Việt Nam Anh hùng”, “Anh hùng Lao động”,“Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân” đối với trường hợp phạm tội thuộc một trong các tội xâm phạm an ninh quốc gia hoặc phạm tội khác bị phạt tù chung thân, tử hình để phù hợp với khoản 4 Điều 54 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng (khoản 4 Điều 93).

- Bổ sung quy định: Trường hợp cá nhân được tặng nhiều danh hiệu vinh dự nhà nước bị tòa án tuyên có tội và bản án đã có hiệu lực tương ứng với các hình phạt nào thì sẽ tước đối với danh hiệu vinh dự đó (Điều 93) để phù hợp với thực tiễn.

 - Bổ sung quy định tước, phục hồi và trao lại danh hiệu vinh dự nhà nước đối với doanh nghiệp, tổ chức kinh tế là pháp nhân thương mại (khoản 5 Điều 93) để phù hợp với Điều 33 Bộ luật hình sự.

- Bổ sung quy định chuyển tiếp: Nhà nước tiếp tục xem xét, thực hiện, hoàn thành khen thưởng thành tích kháng chiến trong các cuộc kháng chiến, bảo vệ Tổ quốc đối với cá nhân, tập thể, gia đình đủ điều kiện, tiêu chuẩn (khoản 1 Điều 96).

**2.3. Sửa đổi, bổ sung các quy định về thẩm quyền**

Luật đã bổ sung quy định thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn một số danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền. Luật cũng bổ sung quy định về thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng và phân cấp cho người đứng đầu Bộ, ban, ngành, tỉnh, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tặng danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng phù hợp. Cụ thể như sau:

a) Sửa đổi, bổ sung về thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; thẩm quyền đề nghị công nhận danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng (03 điều)

- Bổ sung thẩm quyền Ủy ban Thường vụ Quốc hội được tặng Kỷ niệm chương (khoản 1 Điều 79).

- Bổ sung thẩm quyền Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Chánh Văn phòng Trung ương Đảng, Trưởng các Ban của Đảng và tương đương ở Trung ương, Chủ nhiệm Văn phòng Chủ tịch nước, Tổng Kiểm toán nhà nước, Người đứng đầu Cơ quan Trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội được tặng Kỷ niệm chương; bổ sung thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh được tặng Kỷ niệm chương (khoản 2 Điều 79), do Luật thi đua, khen thưởng hiện hành chưa quy định thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng Kỷ niệm chương.

- Bổ sung thẩm quyền Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tnhr được tặng “Xã, phường, thị trấn tiêu biểu” (khoản 4 Điều 79) để phù hợp với phạm vi xét đối với các danh hiệu này.

- Quy định cụ thể thẩm quyền Bộ trưởng, Thủ trưởng các Bộ, ban, ngành, người đứng đầu cơ quan trung ương của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội ở trung ương quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” hoặc ủy quyền cho người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị không có tư cách pháp nhân thuộc Bộ, ban, ngành quyết định tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở”, “Lao động tiên tiến” (khoản 3 Điều 79), để phù hợp với thực tiễn do Luật Thi đua, khen thưởng hiện hành chưa quy định cụ thể thẩm quyền công nhận danh hiệu thi đua cho đối tượng này.

- Bổ sung quy định thẩm quyền công nhận danh hiệu “Đơn vị quyết thắng”, “Tập thể lao động xuất sắc” trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân do Chính phủ quy định (khoản 5 Điều 79).

- Bổ sung quy định Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định thẩm quyền công nhận danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”,“Chiến sĩ tiên tiến” trong Quân đội nhân dân, Công an nhân dân (khoản 5 Điều 80) để thực hiện phân cấp về thẩm quyền công nhận danh hiệu “Đơn vị tiên tiến”,“Chiến sĩ tiên tiến” đối với lực lượng vũ trang nhân dân.

- Bổ sung quy định cụ thể thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, giấy khen và danh hiệu “Gia đình văn hóa” đối với cán bộ, công chức, nông dân, người lao động thuộc thẩm quyền quản lý hoặc trên địa bàn cấp xã (khoản 3 Điều 80).

- Bổ sung quy định tại khoản 3 Điều 83: Người đứng đầu cơ quan được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân công tham mưu, giúp về công tác thi đua, khen thưởng đề nghị Thủ tướng Chính phủ trình Chủ tịch nước xét tặng huân chương, huy chương, “Giải thưởng Hồ Chí Minh”, “Giải thưởng Nhà nước”, danh hiệu vinh dự nhà nước đối với đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở trung ương, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

- Bổ sung quy định “Đại biểu Quốc hội hoạt động chuyên trách ở địa phương do người có thẩm quyền của địa phương đề nghị khen thưởng theo phân cấp về thẩm quyền quản lý đối với cán bộ ở địa phương” (khoản 3 Điều 83).

 - Bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 83: “Người đứng đầu cơ quan được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phân công tham mưu, giúp về công tác thi đua, khen thưởng đề nghị Ủy ban Thường vụ Quốc hội tặng kỷ niệm chương cho cá nhân có đóng góp vào quá trình phát triển của Quốc hội”.

- Bổ sung quy định: Người đứng đầu cơ quan, tổ chức tham mưu, giúp việc về công tác thi đua, khen thưởng có trách nhiệm phát hiện cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng (khoản 6 Điều 83).

b) Một số nội dung phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn một số danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền (09 điều)

Phân cấp về thẩm quyền quy định đối tượng, tiêu chuẩn danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng theo hướng: Luật sẽ quy định tiêu chuẩn chung đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh; đồng thời giao bộ, ban, ngành, tỉnh trên cơ sở quy định chung của Luật, căn cứ đặc điểm, tình hình của từng đối tượng, lĩnh vực, ngành nghề để quy định cụ thể một số nội dung được giao trong Luật, phù hợp với từng vùng miền, ngành nghề của các bộ, ngành, địa phương và để thực hiện chủ trương của Đảng là quan tâm khen thưởng cơ sở và người trực tiếp lao động, sản xuất, kinh doanh, công tác, chiến đấu. Cụ thể:

 - Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể tiêu chuẩn tặng xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ tiên tiến” (Điều 24).

- Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng Cờ thi đua cấp bộ, ban, ngành, tỉnh (Điều 26).

- Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc”, “Đơn vị quyết thắng” (Điều 27).

- Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định cụ thể đối tượng, tiêu chuẩn xét tặng danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến”, “Đơn vị tiên tiến” (Điều 28).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu xã, phường, thị trấn tiêu biểu trên cơ sở khung tiêu chuẩn do Chính phủ quy định (Điều 29).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu thôn, tổ dân phố văn hóa trên cơ sở khung tiêu chuẩn do Chính phủ quy định (Điều 30).

- Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định chi tiết tiêu chuẩn và việc xét tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” trên cơ sở khung tiêu chuẩn do Chính phủ quy định (Điều 31).

- Bộ, ban, ngành, tỉnh, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, quy định chi tiết, hướng dẫn cụ thể tiêu chuẩn xét tặng bằng khen của Bộ, ban, ngành, tỉnh đối với cá nhân, tập thể, hộ gia đình thuộc thẩm quyền quản lý (Điều 74).

- Phân cấp cho Bộ, ban, ngành, tỉnh quy định tiêu chuẩn tặng Giấy khen (Điều 75). Cụ thể: Luật không quy định tiêu chuẩn Giấy khen mà phân cấp cho bộ, ban, ngành, tỉnh quy định để đảm bảo khen thưởng kịp thời cho cá nhân, tập thể có thành tích trong phong trào thi đua.

c) Về giao Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định chi tiết

- Luật giao Chính phủ quy định chi tiết một số điều (30 điều) liên quan đến khen thưởng quá trình cống hiến, danh hiệu vinh dự nhà nước; thủ tục hồ sơ khen thưởng đối với các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng; quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng và một số nội dung cần quy định trong các văn bản quy định chi tiết, tạo điều kiện thuận lợi trong quá trình triển khai thực hiện.

- Luật giao Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định 02 điều về tiêu chuẩn khen thưởng và về việc thi đua, khen thưởng đối với đại biểu Quốc hội, cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**2.4. Một số nội dung sửa đổi, bổ sung liên quan đến cải cách thủ tục hành chính trong thi đua, khen thưởng**; **ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công tác thi đua, khen thưởng**

Để thực hiện chủ trương đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng, tạo điều kiện thuận lợi cho tập thể, cá nhân khi đề nghị khen thưởng, dự án Luật sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

a) Về cải cách thủ tục hành chính

Giảm số lượng hồ sơ từ 03 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch nước và 02 bộ đối với hình thức khen thưởng thuộc thẩm quyền Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ xuống chỉ còn 01 bộ (bản chính) được gửi về cơ quan chuyên trách về thi đua, khen thưởng ở Trung ương để thẩm định và lưu trữ; đối với số lượng hồ sơ khen thưởng thuộc thẩm quyền của bộ, ban, ngành, tỉnh do bộ, ban, ngành, tỉnh quy định (khoản 4 Điều 84).

b) Về thành phần hồ sơ

Giảm bớt thành phần trong hồ sơ đề nghị khen thưởng do người đứng đầu cấp trình khen thưởng phát hiện khen thưởng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng, khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại, cụ thể:

- Giảm biên bản xét khen thưởng vì các hình thức khen thưởng nêu trên đều có thành tích, công trạng rõ ràng nên việc xét khen thưởng không nhất thiết phải thông qua Hội đồng Thi đua - Khen thưởng để bình bầu, lựa chọn mà người đứng đầu quyết định và chịu trách nhiệm về việc trình khen thưởng.

- Đối với khen thưởng quá trình cống hiến, khen thưởng niên hạn, trong báo cáo chỉ tóm tắt thành tích, liệt kê quá trình công tác, vì thành tích, công trạng khen thưởng đã rõ ràng.

c) Về đơn giản hóa hồ sơ, thủ tục khen thưởng

 Bổ sung quy định về hồ sơ, thủ tục khen thưởng theo hướng đơn giản hóa thủ tục do người đứng đầu cơ quan, đơn vị phát hiện thông qua các phong trào thi đua; khen thưởng đột xuất, khen thưởng cống hiến, khen thưởng niên hạn, khen thưởng đối ngoại, khen thưởng thành tích có nội dung bí mật nhà nước để đảm bảo khen thưởng kịp thời các tập thể, cá nhân có thành tích đột xuất, công trạng rõ ràng và phục vụ nhiệm vụ chính trị đối ngoại (Điều 85).

d) Về ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng

 Bổ sung quy định “ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác thi đua, khen thưởng và trong hệ thống thi đua, khen thưởng” là một nội dung quản lý nhà nước về thi đua, khen thưởng, xây dựng cơ sở dữ liệu về thi đua, khen thưởng (điểm e khoản 2 Điều 89) để thể chế hóa chủ trương của Đảng về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước.